

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-PT

Ngày 13 - 4 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền và bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nhữ Đức Dũng,
Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 08/KDTM-PT ngày 15/10/2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐ- PT ngày 20/12/2021, các quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐ- PT ngày 12/01/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ – PT ngày 12/02/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐ- PT ngày 09/3/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐ – PT ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, phường Th C, quận B, Thành phố Hà Nội;

Do ông Nguyễn Quốc Th - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện T, tỉnh Bắc Giang là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Giáp Văn Đ, Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Fc – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH vật liệu xây dựng T do ông Nguyễn Quang T1 - Chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (có mặt);

Địa chỉ: Thôn V1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH điện tử thương mại V3, do ông Lê Chí Th, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (có mặt);

Địa chỉ: số nhà 09a, ngõ 76, đường L, phường B, quận T, Th phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1964 (vắng mặt);

3. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt);

4. Cụ Lã Thị N, sinh năm 1937 (vắng mặt);

Đều cư trú: Khu 3, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Lê Chí Th - sinh năm 1971 (có mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1979 (có mặt);

Đều cư trú: số nhà 09a, ngõ 76, đường L, phường B, quận T, Th phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện ngày 07/11/2017 và những lời khai có trong hồ sơ vụ án, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sau đây viết tắt là AGRIBANK T), do ông Ngô Quý H - Giám đốc AGRIBANK T, và bà Phạm Thị N - Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh AGRIBANK T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/03/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn vật liệu xây dựng T (sau đây viết tắt là Công ty T) có vay tại AGRIBANK T theo Hợp đồng tín dụng số 2506LAV201601205. Các bên thỏa thuận, tổng hạn mức tín dụng tối đa là 9.500.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng, kể từ ngày ký, lãi suất 8,0%/năm, cụ thể theo từng lần nhận nợ, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngày 26/6/2017 các bên ký phụ lục hợp đồng tín dụng số

01/2506LAV201601205/PLHĐTD, sửa đổi lãi suất quá hạn tối đa bằng 100% lãi suất cho vay trong hạn. Mục đích vay vốn của Công ty T: Kinh doanh vật liệu xây dựng. AGRIBANK T đã giải ngân, Công ty T đã nhận nợ vào từng lần cụ thể như sau:

Ngày 14/7/2016, nhận nợ số tiền 2.750.000.000 đồng, thời hạn vay: 08 tháng, lãi suất là 7,0%/năm, ngày 15/11/2017 đã trả được gốc số tiền 2.700.000.000 đồng, lãi 134.322.222 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng gốc và 83.669.445 đồng lãi;

Ngày 15/7/2016, nhận nợ: 2.161.000.000 đồng, thời hạn vay: 08 tháng, lãi suất là 7,0%/năm, ngày 15/11/2017 đã trả được gốc số tiền 600.000.000 đồng, còn nợ lại 1.561.000.000 đồng gốc và 239.378.708 đồng lãi;

Ngày 18/7/2016, nhận nợ: 2.072.000.000 đồng, thời hạn vay: 08 tháng, lãi suất là 7,0%/năm, chưa trả gốc và lãi;

Ngày 19/7/2016, nhận nợ: 1.885.000.000 đồng, thời hạn vay: 08 tháng, lãi suất là 7,0%/năm, chưa trả gốc + lãi;

Ngày 20/7/2016, nhận nợ: 632.000.000 đồng, thời hạn vay: 08 tháng, lãi suất là 7,0%/năm, chưa trả gốc + lãi;

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả các khoản nợ trên, Công ty TNHH điện tử thương mại V3 (Sau đây viết tắt là Công ty V3); ông Lê Chí Th, bà Nguyễn Thị Thu H1; ông Vũ Hữu M, bà Trịnh Thị H đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng các tài sản gồm:

Hợp đồng thế chấp số 319.319.100/HĐTC ngày 13/12/2013 Công ty V3 thế chấp tài sản gồm: Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng diện tích 9.135 m²; chi phí đổ đất san nền, làm đường khối lượng 12.829 m³; nhà ở công nhân diện tích 380 m², loại nhà cấp 4, cột bê tông, lợp tôn; văn phòng làm việc diện tích 380 m²; loại nhà cấp 4, cột bê tông, lợp tôn; nhà xưởng 02 diện tích 850 m², loại nhà cấp 4, cột bê tông, lợp tôn; cổng và tường rào diện tích 2.400 m², xây tường đơn, bỏ trụ; nhà bảo vệ 24 m²; loại nhà cấp 3, xây gạch, đổ trần, nhà vệ sinh 60 m², xây gạch, đổ trần. Toàn bộ tài sản trên được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 24/12/2009, xây dựng trên thửa đất được cấp Giấy chứng nhận số AQ128630 ngày 28/10/2009, cấp cho Công ty V3, địa chỉ thửa đất thôn Cầu Trại 1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 4.000.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp số 319.319.099/HĐTC ngày 12/12/2013, ông Lê Chí Th, bà Nguyễn Thị Thu H1 đã thế chấp tài sản gồm: Thửa đất số 815 (lô 1 + 2 + 3), tờ bản đồ số 02, diện tích 486 m² địa chỉ thửa đất thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 020980, UBND huyện T cấp ngày 01/6/2009 cho hộ ông Lê Chí Th, bà Nguyễn Thị Thu H1. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 1.000.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861 ngày 18/11/2015, ông Vũ Hữu M, bà Trịnh Thị H đã thế chấp tài sản gồm: thửa số 137, tờ bản đồ số 17, diện tích 161,4 m²; thửa số 140, tờ bản đồ số 17, diện tích 224,8 m², địa chỉ 02 thửa đất tại thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 943776, do UBND huyện Hiệp Hòa cấp ngày 04/6/2015 cho hộ ông Vũ Hữu M, bà Trịnh Thị H cùng tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở cấp 4 xây gạch lợp tôn và nhà ở 03 tầng xây gạch trần bê tông (xây dựng trên thửa đất số 137, tờ bản đồ số 17), đường trải nhựa diện tích 224,8 m² được làm trên thửa thửa số 140, tờ bản đồ số 17. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 2.000.000.000 đồng.

Các hợp đồng thế chấp các bên ký kết đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho AGRIBANK T, toàn bộ dư nợ còn lại của các khoản nợ trên đã chuyển nợ quá hạn.

AGRIBANK T khởi kiện: Yêu cầu Công ty T trả:

Nợ gốc là 6.200.000.000 đồng; lãi tính đến ngày khởi kiện là 862.866.861 đồng.

Trường hợp Công ty T không thanh toán được số tiền nêu trên thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861 ngày 18/11/2015, số 319.319.099/HĐTC ngày 12/12/2013, số 319.319.100/HĐTC ngày 13/12/2013.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của AGRIBANK ông Nguyễn Quốc Thịnh Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho AGRIBANK số tiền gốc là 6.200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến hết ngày 24/5/2021 là 2.230.439.945 đồng, tổng số là 8.430.439.945 đồng. Trong trường hợp Công ty T không thanh toán được số tiền nêu trên thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861 ngày 18/11/2015, số 319.319.099/HĐTC ngày 12/12/2013, số 319.319.100/HĐTC ngày 13/12/2013.

Đại diện của AGRIBANK Trút yêu cầu xử lý, phát mại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 17, diện tích 224,8m².

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2018, các lời khai tiếp theo Ông Nguyễn Quang T1 đại diện theo pháp luật của công ty T trình bày:

Năm 2013, ông đại diện Công ty T có ký hợp đồng tín dụng với AGRIBANK T. Sau khi hết hạn hợp đồng trên thì các bên ký lại hợp đồng tín dụng tiếp. Ngày 12/3/2016, do hết hạn hợp đồng tín dụng nhưng ông Th - Đại diện Công ty V3 không trả được gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng nên ông - Đại diện cho Công ty T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 2506LAV201601205 ngày 12/3/2016, tại hợp đồng tín dụng trên các bên thỏa thuận hạn mức tối đa là 9.500.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,0%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của mức lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng theo các giấy nhận nợ. Để bảo đảm cho khoản nợ trên các bên dùng tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp gồm:

Hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861 ngày 18/11/2015;

Hợp đồng thế chấp số 139.139.099/HĐTC ngày 12/12/2013;

Hợp đồng thế chấp số 139.139.100/HĐTC ngày 12/12/2013;

Sau khi ký các hợp đồng thế chấp thì ông có ký các giấy nhận nợ và được giải ngân như Ngân hàng trình bày là đúng. Theo Hợp đồng tín dụng thì Công ty T còn nợ AGRIBANK T số tiền gốc là 6.200.000.000 đồng gốc và lãi suất phát sinh, Công ty T đồng ý trả số nợ trên, nhưng Công ty T không được sử dụng số tiền này nên ông đề nghị phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để trả cho AGRIBANK T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2018 và những lời khai tiếp theo ông Lê Chí Th là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH điện tử thương mại V3 (Sau đây viết là Công ty V3) trình bày:

Ngày 12/3/2013, ông Th và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H1 ký hợp đồng thế chấp số 319.319.099/HĐTC, thế chấp thửa số 815 (lô 1 + 2 + 3), tờ bản đồ số 02, diện tích 486 m² địa chỉ thửa đất thôn Đàm Lác, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 020980 UBND huyện T cấp ngày 01/6/2009 cho hộ ông Th, bà H1, để thế chấp cho Công ty T vay vốn của AGRIBANK T. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 1.000.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2013, ông đại diện cho Công ty V3 ký hợp đồng thế chấp số 319.319.100/HĐTC, thế chấp tài sản gồm: Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng diện tích 9.135 m², chi phí đổ đất san nền, làm đường khối lượng 12.829 m³, nhà ở công nhân diện tích 380 m², văn phòng làm việc diện tích 380 m², nhà xưởng 02 diện tích 850 m², cổng, tường rào diện tích 2.400 m², nhà bảo vệ sinh 24 m², nhà vệ sinh 60m², toàn bộ tài sản trên được xây dựng trên thửa đất được cấp Giấy chứng nhận số AQ128630 ngày 28/10/2009, cấp cho Công ty V3, địa chỉ thửa đất thôn Cầu Trại 1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 4.000.000.000 đồng.

Việc ký 02 hợp đồng thế chấp trên là đảm bảo cho khoản tín dụng mà Công ty T ký với AGRIBANK T và năm 2013, 2014. Ngày 12/3/2015 và ngày 12/3/2016 Công ty T tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 2506LAV201501262 và Hợp đồng tín dụng số 2506LAV201601205 với AGRIBANK T khi các bên ký Hợp đồng tín dụng trên thì ông có được thông báo và ông đồng ý tiếp tục dùng tài sản ở 02 hợp đồng thế chấp đã ký để bảo đảm cho 02 hợp đồng tín dụng trên.

AGRIBANK T khởi kiện yêu cầu Công ty T trả 6.200.000.000 đồng gốc cùng lãi suất phát sinh, nếu không trả được thì xử lý tài sản thế chấp. Ông đề nghị Công ty T trả nợ gốc và lãi cho AGRIBANK T, nếu Công ty T không có khả năng trả nợ thì bên thế chấp tài sản cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên. Trong điều kiện các bên đều mất khả năng thanh toán thì ông đồng ý phát mại tài sản theo 02 hợp đồng thế chấp để trả nợ cho AGRIBANK T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2018 và những lời khai tiếp theo ông Vũ Hữu M trình bày:

Ngày 18/11/2015, vợ chồng ông ký hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861, thế chấp thửa đất số 137, tờ bản đồ số 17, diện tích 161,4 m², thửa số 140, tờ bản đồ số 17, diện tích 224,8 m², địa chỉ 02 thửa đất thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 943776, do UBND huyện Hiệp Hòa cấp ngày 04/6/2015 cùng tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở cấp 4 xây gạch lợp tôn và nhà ở 03 tầng xây gạch trần bê tông (xây dựng trên thửa đất số 137, tờ bản đồ số 17). Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 2.000.000.000 đồng.

AGRIBANK T khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả tiền theo hợp đồng tín dụng, nếu Công ty T không trả được số tiền trên thì đề nghị phát mại tài sản của gia đình ông đã thế chấp. Ông đề nghị Công ty T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền theo hợp đồng tín dụng, nếu Công ty T không trả được số tiền trên thì ông đồng ý phát mại tài sản là thửa đất số 137, tờ bản đồ số 17, diện tích 161,4 m², tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4, diện tích khoảng 70 m².

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2018, bà Trịnh Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Vũ Hữu M, ngày 18/11/2015, vợ chồng bà có ký hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861. AGRIBANK T khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả số tiền theo hợp đồng tín dụng, nếu Công ty T không trả được số tiền trên thì đề nghị phát mại tài sản của gia đình bà đã thế chấp, bà không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2018, cụ Lã Thị N trình bày:

Năm 2015 gia đình cụ thống nhất chia cho anh M một phần đất. Ông M thế chấp diện tích đất được gia đình cho là không hợp pháp vì đất đó là quyền sử dụng chung của hộ gia đình. Nay cụ đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thu H1 đã được Tòa án thông báo về thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà H1 vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không trình bày ý kiến quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 03/2021/KDTM-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 244; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117; Điều 318; Điều 319; 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:

Buộc Công ty TNHH vật liệu xây dựng T phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền nợ gốc là 6.200.000.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến

ngày xét xử sơ thẩm 24/5/2021 là 2.230.439.945 đồng (Hai tỷ hai trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Tổng số là 8.430.439.945 đồng (Tám tỷ bốn trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 24/5/2021, Công ty TNHH vật liệu xây dựng Tphải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay lãi, thì lãi suất mà Công ty vật liệu xây dựng Tphải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty TNHH vật liệu xây dựng T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm có:

Thửa số 815 (lô 1 + 2 + 3), tờ bản đồ số 02, diện tích 486 m² địa chỉ thửa đất thôn Đàm Lác, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 020980, do UBND huyện T cấp ngày 01/6/2009 cho hộ ông Lê Chí Th, bà Nguyễn Thị Thu H1, theo hợp đồng thế chấp số 319.319.099/HĐTC ngày 12/12/2013. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 1.000.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp của Công ty V3 gồm: Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng diện tích 9.135 m²; chi phí đổ đất san nền, làm đường khối lượng 12.829 m³; nhà ở công nhân diện tích 380 m², loại nhà cấp 4, cột bê tông, lợp tôn; văn phòng làm việc diện tích 380 m², loại nhà cấp 4, cột bê tông, lợp tôn; nhà xưởng 02 diện tích 850 m², loại nhà cấp 4, cột bê tông, lợp tôn; cổng và tường rào diện tích 2.400 m², xây tường đơn, bỏ trụ; nhà bảo vệ 24 m² loại nhà cấp 3, xây gạch, đổ trần, nhà vệ sinh 60 m², xây gạch, đổ trần, toàn bộ tài sản trên được xây dựng theo giấy phép xây dựng số 33/GPXD ngày 24/12/2009, xây dựng trên thửa đất được cấp Giấy chứng nhận số AQ128630 ngày 28/10/2009, cấp cho Công ty V3, địa chỉ thửa đất thôn Cầu Trại 1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang, theo hợp đồng thế chấp số 319.319.100/HĐTC ngày 13/12/2013. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 4.000.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp của ông Vũ Hữu M, bà Trịnh Thị H gồm: Thửa số 137, tờ bản đồ số 17, diện tích 161,4 m², cùng tài sản là nhà ở cấp 4 xây gạch lợp tôn xây dựng trên thửa đất và một phần diện tích đất của cụ Lã Thị N (diện tích 16,4 m²), theo hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861 ngày 18/11/2015. Phạm vi bảo đảm cho mức dư nợ gốc/số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng là 2.000.000.000 đồng.

3.Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phát mại tài sản là thửa đất số 140, tờ bản đồ số 17, diện tích 224,8m²và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp số 2506LCP201500861 ngày 18/11/2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/7/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn điện tử thương mại V3 kháng cáo.

Lý do, nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

Việc thu thập chứng cứ chứng minh không đúng quy định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 12/3/2016, Công ty TNHH vật liệu xây dựng T ký hợp đồng tín dụng số 2506LAV201601205 nhưng khi ký hợp đồng tín dụng nêu trên không có biên bản họp Hội đồng Th viên Công ty TNHH điện tử thương mại V3;

Biên bản kiểm tra tài sản thế chấp điền bằng bút mực vào ngày 09/3/2016 là thiếu cơ sở pháp lý vì biên bản đã được ký, đóng dấu để trống không ghi ngày, tháng, năm từ trước thời điểm đó.

Đề nghị hủy toàn bộ bản án số 03/2021/KDTM – ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không thay đổi, bổ sung rút yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ông Lê Trí Th là người đại diện theo pháp luật của Công ty V3 trình bày:Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì các lý do sau:

Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể là: Trước ngày mở phiên tòa xét xử vụ án, ông Th có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do dịch bệnh covid - 19 ông không thể di chuyển từ Hà Nội về Bắc Giang vì hai địa phương phải thực hiện cách

ly theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nhưng Tòa án huyện T vẫn xét xử vắng mặt ông.

Việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng, các tài liệu có trong hồ sơ đều do ông ký không từ năm 2013, không phải ký năm 2016; tại các bản khai có trong hồ sơ vụ án, ông đã khai rõ, chỉ chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng ký năm 2013, không chịu trách nhiệm đối với các hợp đồng tín dụng ký năm 2016, nhưng bản án sơ thẩm vẫn buộc Công ty V3 phải chịu trách nhiệm với các hợp đồng tín dụng năm 2016 là không có căn cứ.

Biên bản kiểm tra tài sản thế chấp ngày 9/3/2016 có trong hồ sơ vụ án viết bằng bút mực, tại thời điểm ngày 9/3/2016 ông có mặt tại Hà Nội, không có mặt ở Bắc Giang để ký biên bản kiểm tra tài sản thế chấp ngày 9/3/2016.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của Công ty V3, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Quang T1 đại diện của Công ty T không có ý kiến gì đối với kháng cáo của Công ty V3.

Bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Đồng ý với ý kiến trình bày của ông Lê Trí Th đại diện cho Công ty V3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Công ty V3. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST

ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang. Công ty V3 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng họ không liên quan đến kháng cáo và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty V3, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự thì: Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

2. Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật này hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Công ty V3 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngày 22/5/2021, Công ty V3 đã gửi đơn xin hoãn phiên tòa đề nghị Tòa án nhân dân huyện T hoãn phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 24/5/2021 vì lý do dịch Covid 19 nên ông Th không thể di chuyển từ Hà Nội về T để dự phiên tòa nhưng Tòa án nhân dân huyện T vẫn xét xử vắng mặt ông Th.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Th có gửi đơn đề nghị hoãn phiên tòa số VTP1653044436432 qua dịch vụ bưu chính vào hồi 15 giờ 43 phút ngày 22/5/2021. Do ông Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xét xử vụ án vào hồi 08 giờ 40 phút

ngày 24/5/2021 và kết thúc phiên tòa vào 11 giờ ngày 24/5/2021 nhưng đến 11 giờ 30 phút ngày 24/5/2021 Tòa án nhân dân huyện T mới nhận được đơn đề nghị hoãn phiên tòa của ông Th. Như vậy, Tòa án nhận được đơn của ông Th sau khi đã kết thúc phiên tòa. Mặt khác, ông Th cung cấp các chứng cứ là quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 12/5/2021, quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 14/5/2021, quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 16/5/2021 và quyết định 935/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 đều của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thiết lập vùng cách ly y tế thực hiện công tác phòng chống dịch Covid 19 trên địa bàn huyện T, tỉnh Bắc Giang. Các quyết định nêu trên chỉ thiết lập vùng cách ly tại các thôn của xã N, xã Ca, xã T, xã H, xã N, xã N của huyện T, tỉnh Bắc Giang, không thực hiện cách ly đối với thị trấn C, huyện T là nơi có trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Ông Th không cung cấp được tài liệu để chứng minh ông không thể di chuyển từ Hà Nội về Tòa án nhân dân huyện T để tham gia tố tụng vì lý do khách quan. Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt ông Th là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Việc thu thập chứng cứ của Tòa án: Quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập đầy đủ và đúng quy định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự, sau khi thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự không ai có yêu cầu thu thập bổ sung chứng cứ, không yêu cầu triệu tập bổ sung người tham gia tố tụng, không ai khiếu nại về việc thu thập chứng cứ của Tòa án.

[2.3] Việc xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm với thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3] Xét ý kiến của Công ty V3 cho rằng: Ngày 12/3/2016, Công ty T ký hợp đồng tín dụng số 2506LAV201601205 nhưng khi ký hợp đồng tín dụng nêu trên không có biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty V3;

Hội đồng xét xử thấy:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai Th viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 2400571435 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang

chứng nhận Công ty T đăng ký lần đầu ngày 31/10/2011 và các lần đăng ký thay đổi tiếp theo (bút lục 69,70,71,72,73) và Điều lệ Công ty T(bút lục số 87 – 107) thì Công ty T là chủ thể có đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự năm 2005 và có tư cách pháp nhân theo quy định tại Điều 38 của Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều 47 của Luật doanh nghiệp năm 2014. Công ty T nhân danh mình ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là hoàn toàn hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 84 Bộ luật dân sự năm 2005, không phụ thuộc vào việc có hay không có biên bản họp Hội đồng Th viên Công ty V3. Mặt khác, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ngày 12/12/2013 Công ty V3 do ông Lê Chí Th và bà Lê Thị Hà đã có cuộc họp với nội dung: Nhất trí lấy tài sản của Công ty là toàn bộ nhà máy và các công trình phụ trợ nằm trên thửa đất diện tích 9138m² có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ128630 do UBND tỉnh Bắc Giang cấp ngày 28/10/2009, địa chỉ thửa đất thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang, chủ sở hữu là Công ty V3 thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T để bảo lãnh cho Công ty T vay vốn Ngân hàng sử dụng vào mục đích hoạt động kinh doanh. Nếu Công ty T không có đủ khả năng thanh toán thì Công ty V3 có trách nhiệm trả nợ thay hoặc ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn toàn quyền xử lý tài sản thế chấp và thu hồi nợ (bút lục 575).

[4] Công ty V3 cho rằng Biên bản kiểm tra tài sản thế chấp điền bằng bút mực vào ngày 09/3/2016 là thiếu cơ sở pháp lý vì biên bản đã được ký, đóng dấu để trống không ghi ngày, tháng, năm từ trước thời điểm đó. Hội đồng xét xử thấy: Biên bản kiểm tra tài sản thế chấp ngày 09/3/2006 là văn bản đánh máy chỉ có các số 09, 03, 6 được viết bằng bút mực (viết tay), tuy nhiên nội dung rõ ràng, không bị tẩy xóa, bản thân ông Th cũng không chứng minh được văn bản này được ký kết trái luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty V3.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của Công ty V3 không được chấp nhận nên Công ty V3 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH điện tử thương mại V3. Giữ nguyên bản án số 03/2021/KDTM-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Công ty TNHH điện tử thương mại V3 phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã nộp ghi tại biên lai thu số AA/2020/0000343 ngày 06/7/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện T tỉnh Bắc Giang thu. Xác nhận: Công ty TNHH điện tử thương mại V3 đã nộp đủ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo